

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 194/QĐ-CDYT ngày 21/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

## CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

**Tên ngành:** Y sỹ đa khoa.

**Mã ngành:** 5720101

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp.

**Hình thức đào tạo:** Chính quy.

**Đối tượng tuyển sinh:** Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

**Thời gian đào tạo:** 2 năm.

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người lao động có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ trung cấp, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về:
  - + Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người.
  - + Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.
- Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường.
- Trình bày được Luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường.

- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở.
- Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng.
- Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở.
- Tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch.
- Truyền thông giáo dục sức khỏe; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khỏe ở tuyến y tế cơ sở.
- Quản lý trạm y tế xã.

### 1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Học xong chương trình này, người học có đủ kiến thức và kỹ năng để trở thành người cán bộ y tế, có khả năng quản lý, khám và điều trị một số bệnh thông thường theo quy định, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Người Y sỹ có thể học liên thông lên trình độ đại học.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 33
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 90 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2114 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 873 giờ (36,85%); Thực hành, thực tập: 1424 giờ (60,1%); Thi, kiểm tra: 72 giờ (3,03%)

## 3. Nội dung chương trình

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành /thực tập	Thi/Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>					
	<i>Môn học bắt buộc</i>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
1080011	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
1080021	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
1080031	Tin học	2	45	15	29	1
1080041	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
1080051	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
1080061	Pháp luật	1	15	9	5	1
1080071	<i>Môn học tự chọn: Khởi tạo doanh nghiệp</i>	<b>2</b>	<b>33</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>					
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>22</b>	<b>416</b>	<b>284</b>	<b>106</b>	<b>26</b>
1080081	Giải phẫu sinh lý	5	94	60	30	4
1080091	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	33	30	0	3
1080101	Dược lý	3	63	44	16	3
1080111	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	33	30	0	3
1080121	Vệ sinh phòng bệnh	2	33	30	0	3
1080131	Kỹ năng giao tiếp - giáo dục sức khỏe	3	63	30	30	3
1080141	Quản lý và tổ chức y tế	2	33	30	0	3
1080151	Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	3	64	30	30	4
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>36</b>	<b>618</b>	<b>495</b>	<b>90</b>	<b>33</b>
1080161	Bệnh Nội khoa	5	79	75	0	4
1080171	Bệnh Ngoại khoa	4	64	60	0	4

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành /thực tập	Thi/Kiểm tra
1080181	Sức khoẻ trẻ em	5	79	75	0	4
1080191	Sức khoẻ sinh sản	5	94	60	30	4
1080201	Bệnh truyền nhiễm, xã hội	5	79	75	0	4
1080211	Bệnh chuyên khoa	4	64	60	0	4
1080221	Y tế cộng đồng	3	63	30	30	3
1080231	Y học cổ truyền	3	63	30	30	3
1080241	Phục hồi chức năng	2	33	30	0	3
<b>II.3</b>	<b>Thực tập</b>	<b>18</b>	<b>1080</b>		<b>1080</b>	
	<i>Thực tập cơ bản</i>					
1080251	Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	1	80		80	
1080261	Thực tập lâm sàng Nội khoa	3	160		160	
1080271	Thực tập lâm sàng Ngoại khoa	3	160		160	
1080281	Thực tập lâm sàng Sản phụ khoa	1	80		80	
1080291	Thực tập lâm sàng Nhi khoa	3	160		160	
1080301	Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm	2	80		80	
1080311	Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền	1	80		80	
1080321	Thực tập cộng đồng	1	80		80	
1080331	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	3	200		200	
<b>Tổng cộng</b>		<b>90</b>	<b>2369</b>	<b>873</b>	<b>1424</b>	<b>72</b>